

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

## MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-36

---

AN:03  
C  
C  
GT  
PH

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PGT Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**1. Thông tin chung về Công ty**

**Thành lập:**

Công ty Cổ phần PGT Holdings (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày 06 tháng 09 năm 2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 02 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:**

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp luật); Bán buôn tổng hợp; Cho thuê kho bãi...

**Tên tiếng anh:** PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** PGT HOLDINGS

**Mã chứng khoán:** PGT (Sàn HNX)

**Trụ sở chính:** Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

**3. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

**Hội đồng Quản trị**

Ông	Ryotaro Ohtake	Chủ tịch
Ông	Shimabukuro Yoshihiko	Thành viên
Ông	Kakazu Shogo	Thành viên
Bà	Phạm Thị Thoa	Thành viên
Ông	Lê Minh Đức	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông	Lê Quốc Duy	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Minh Dương	Thành viên
Bà	Bùi Thị Ngà	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông	Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo Pháp luật
Bà	Nguyễn Thị Thanh Chi	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Kế toán trưởng

**4. Kiểm toán độc lập**

Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC ( MOORE AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
PGT HOLDINGS  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kakazu Shogo

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Số: A0723297-SXR/MOORE AISC-DN3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần PGT Holdings (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PGT Holdings chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi chò rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Văn Vinh**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số : 0112-2023-005-1

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học MOORE AISC**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.806.700.258</b>	<b>5.000.666.536</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>45.841.328</b>	<b>83.127.229</b>
1. Tiền	111		45.841.328	83.127.229
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.653.658.305</b>	<b>1.967.235.590</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.993.912.208	36.008.432.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.659.392.537	1.643.314.537
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	4.974.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	5.335.511.708	5.297.702.993
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6,3,4	(41.309.158.148)	(40.982.214.148)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>40.511.921</b>	<b>40.511.921</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.511.921	40.511.921
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.066.688.704</b>	<b>2.909.791.796</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	239.485.980	137.926.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.187.200.086	1.131.862.576
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	1.640.002.638	1.640.002.638
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.956.724.894</b>	<b>62.312.958.953</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.415.620.200</b>	<b>11.415.620.200</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	11.200.000.000	11.200.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	215.620.200	215.620.200
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
- Nguyên giá	222		33.772.727	33.772.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.772.727)	(33.772.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		43.000.000	43.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.000.000)	(43.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>44.743.278.378</b>	<b>49.311.381.152</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		55.937.965.526	58.482.965.526
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.194.687.148)	(9.171.584.374)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>797.826.316</b>	<b>1.585.957.601</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	797.826.316	1.585.957.601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>66.763.425.152</b>	<b>67.313.625.489</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.239.368.482</b>	<b>34.296.576.694</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.239.368.482</b>	<b>34.296.576.694</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	932.755.413	1.815.078.991
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	797.116.820	598.356.060
4. Phải trả người lao động	314		750.696.404	732.678.904
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	4.545.455
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	3.300.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	22.210.718.441	18.955.080.844
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	11.547.823.048	12.187.278.084
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.356	258.356
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.524.056.670</b>	<b>33.017.048.795</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>30.524.056.670</b>	<b>33.017.048.795</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.840.919.261	1.840.919.261
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.705.559.758	1.705.559.758
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(65.440.432.349)	(62.947.440.224)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(62.947.440.224)	(54.656.468.263)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.492.992.125)	(8.290.971.961)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>66.763.425.152</b>	<b>67.313.625.489</b>



Nguyễn Thị Thanh Chi

Người lập biểu/ Kế Toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Kakazu Shogo

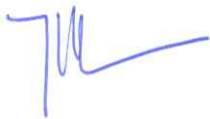
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125.550.174	68.134.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	125.550.174	68.134.248
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	57.224.455	75.109.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		68.325.719	(6.974.842)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.834.404.327	213.178.361
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.412.973.473	(4.719.547.974)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		285.270.699	273.341.532
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.983.826.520	4.319.592.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(2.494.069.947)	606.158.814
11. Thu nhập khác	31		1.090.909	2.502.872
12. Chi phí khác	32		13.087	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.077.822	2.502.872
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.492.992.125)	608.661.686
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.492.992.125)	608.661.686



Nguyễn Thị Thanh Chi

Người lập biểu/ Kế Toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Kakazu Shogo

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.492.992.125)	608.661.686
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.08	-	469.045
- Các khoản dự phòng	03	VI.5,6	2.350.046.774	(5.199.986.082)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(249.455.036)	207.094.748
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.457.255.291)	(168.059.140)
- Chi phí lãi vay	06		285.270.699	273.341.532
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.564.384.979)	(4.278.478.211)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		110.983.121	(860.425.601)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.210.652.070	4.638.113.873
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		686.571.887	(1.889.218.549)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.433.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>437.389.099</b>	<b>(2.390.008.488)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.117.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		143.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.889.325.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	210.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(84.675.000)</b>	<b>210.000.000</b>




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	V.15	-	2.299.835.924
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(390.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(390.000.000)</b>	<b>2.299.835.924</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(37.285.901)</b>	<b>119.827.436</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>83.127.229</b>	<b>40.685.429</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>45.841.328</b>	<b>160.512.865</b>



Nguyễn Thị Thanh Chi

Người lập biểu/ Kế Toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Kakazu Shogo

Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần PGT Holdings (dưới đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày 06 tháng 09 năm 2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 02 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ.****3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp luật); Bán buôn tổng hợp; Cho thuê kho bãi...

Tên tiếng anh: PGT HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PGT HOLDINGS

Mã chứng khoán: PGT (Sàn HNX)

Trụ sở chính: Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2023: 02 nhân viên. (tại ngày 31/12/2022: 02 người).****8. Cấu trúc doanh nghiệp****8.1 Danh sách các công ty con**

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần PGT Solutions Địa chỉ: Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	Tư vấn, môi giới bảo hiểm, đầu tư bất động sản, cung ứng lao động....	91,97%	91,97%	91,97%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) Địa chỉ: Số 192 Myanmar Plaza 9 Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.	Hoạt động như một tổ chức tài chính vi mô nhận tiền gửi khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính và các hoạt động khác được cho phép hợp lý bởi Cơ quan giám sát tài chính vi mô.	100,00%	100,00%	100,00%

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng SCB. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 30/06/2023: 23.420 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng SCB. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 30/06/2023: 23.770 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng năm và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

*Thiết bị, dụng cụ quản lý*

03- 05 năm

*Phần mềm vi tính*

03 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ dụng cụ; chi phí thuê văn phòng....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần**

Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tở sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội cổ đông hàng năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty của năm hiện hành như sau: thuế suất 20%.

**15. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**17. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Tiền	45.841.328	83.127.229
Tiền mặt	25.891.407	19.733.682
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.949.921	63.393.547
<b>Cộng</b>	<b>45.841.328</b>	<b>83.127.229</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
- Đầu tư vào công ty con	55.937.965.526	(11.194.687.148)	-	58.482.965.526
- Công ty Cổ phần PGT Solutions (1)	29.385.000.000	(5.995.067.263)	Không xác định	31.930.000.000
- Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) (2)	26.552.965.526	(5.199.619.885)	Không xác định	26.552.965.526
<b>Cộng</b>	<b>55.937.965.526</b>	<b>(11.194.687.148)</b>	<b>-</b>	<b>58.482.965.526</b>
				<b>(9.171.584.374)</b>
				(4.008.246.055)
				(5.163.338.319)
				<b>(9.171.584.374)</b>

(\*): Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm hiện tại chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

(1): Công ty Cổ Phần Vĩnh Đại Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313648575 ngày 03 tháng 02 năm 2016, đã đăng ký thay đổi lần thứ 08 vào ngày 13 tháng 04 năm 2023 về thay đổi tên thành Công ty Cổ phần PGT Solutions với vốn điều lệ đăng ký là 31.950.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đã đầu tư với số tiền là 31.930.000.000 VND chiếm 99,94% vốn điều lệ, tại 30/06/2023 Công ty thoai một phần vốn và chiếm tỷ lệ 91,97% vốn điều lệ. Trong 06 tháng đầu năm nay, Công ty Cổ phần PGT Solutions kinh doanh có lãi.

(2): Khoản đầu tư vào Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-DHĐCD-PGT ngày 31/10/2017, Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐQT-PGT ngày 18/06/2020 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐQT-PGT ngày 27/07/2021 về việc mua lại phần vốn tại BMF. Tại ngày 30/06/2023, Công ty đầu tư với số tiền 26.552.965.526 đồng chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty này. Trong 06 tháng đầu năm nay, Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) kinh doanh bị lỗ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.993.912.208</b>	<b>(35.993.912.208)</b>	<b>36.008.432.208</b>	<b>(35.993.912.208)</b>
<b>Khách hàng trong nước (*)</b>	<b>35.993.912.208</b>	<b>(35.993.912.208)</b>	<b>36.008.432.208</b>	<b>(35.993.912.208)</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	(27.855.320.000)	27.855.320.000	(27.855.320.000)
Doanh nghiệp tư nhân Gara sửa chữa ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	(5.207.287.675)	5.207.287.675	(5.207.287.675)
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	(1.194.873.000)	1.194.873.000	(1.194.873.000)
Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	(561.919.900)	561.919.900	(561.919.900)
Các khách hàng khác	1.174.511.633	(1.174.511.633)	1.189.031.633	(1.174.511.633)
<b>Cộng</b>	<b>35.993.912.208</b>	<b>(35.993.912.208)</b>	<b>36.008.432.208</b>	<b>(35.993.912.208)</b>

(\*) : Các khách hàng có số dư nợ phải thu lâu năm không thể xác nhận và không có khả năng thu hồi.

4. Trả trước cho người bán	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.659.392.537</b>	<b>(1.319.464.537)</b>	<b>1.643.314.537</b>	<b>(775.520.537)</b>
<b>Nhà cung cấp trong nước</b>	<b>1.659.392.537</b>	<b>(1.319.464.537)</b>	<b>1.643.314.537</b>	<b>(775.520.537)</b>
Công ty TNHH Hoa Lam Japan (*)	535.920.000	(535.920.000)	535.920.000	(535.920.000)
Công ty TNHH Tư vấn Toàn Long (*)	190.000.000	(133.000.000)	190.000.000	(95.000.000)
BMF MicroFinance Company Limited	533.700.000	(266.850.000)	533.700.000	-
Các nhà cung cấp khác (*)	399.772.537	(383.694.537)	383.694.537	(144.600.537)
<b>Cộng</b>	<b>1.659.392.537</b>	<b>(1.319.464.537)</b>	<b>1.643.314.537</b>	<b>(775.520.537)</b>
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
BMF MicroFinance Company Limited	533.700.000	(266.850.000)	533.700.000	-
Ông Kakazu Shogo	83.000.000	-	83.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>616.700.000</b>	<b>(266.850.000)</b>	<b>616.700.000</b>	<b>-</b>

(\*) : Khoản ứng trước người bán có số dư nợ phải thu lâu năm không thể xác nhận và không có khả năng thu hồi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu về cho vay	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.974.000.000</b>	-	-	-
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels (*)	4.974.000.000	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>11.200.000.000</b>	-	<b>11.200.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply(**)	11.200.000.000	-	11.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.174.000.000</b>	-	<b>11.200.000.000</b>	-

(\*): Cho vay theo hợp đồng số 01/2023/HĐCV/PGT-VINA ngày 08/03/2023 và phụ lục PL.1.01/2023/HĐCV/PGT-VINA ngày 20/06/2023. Thời hạn vay từ 08/03/2023 - 07/03/2024, lãi suất 3%/năm.

(\*\*): Cho vay theo hợp đồng số 01/2021/HĐCV/PGT-MP ngày 31/12/2021. Thời hạn vay từ 31/12/2021 - 31/12/2023, lãi suất 3%/năm.

6. Phải thu khác	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.335.511.708</b>	<b>(3.995.781.403)</b>	<b>5.297.702.993</b>	<b>(4.212.781.403)</b>
Tạm ứng	-	-	1.000.000	-
Phải thu khác	5.335.511.708	(3.995.781.403)	5.296.702.993	(4.212.781.403)
Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (*) (i)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Lãi vay Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply	394.933.333	-	226.933.333	-
Lãi vay Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	43.198.666	-	-	-
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	-	-	434.000.000	(217.000.000)
Công ty Cổ phần PGT Japan (ii)	104.374.750	-	104.374.750	-
Nguyễn Hoàng Giang (*)	264.178.662	(264.178.662)	264.178.662	(264.178.662)
Lãi vay Công ty Cổ phần PGT Solutions	-	-	5.511.320	-
BMF MicroFinance Company Limited (iii)	724.610.000	-	443.400.000	-
Các đối tượng khác (*)	804.216.297	(731.602.741)	818.304.928	(731.602.741)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>215.620.200</b>	-	<b>215.620.200</b>	-
Ký cược, ký quỹ	215.620.200	-	215.620.200	-
Công ty CP Nhà Hòa Bình (iv)	215.620.200	-	215.620.200	-
<b>Cộng</b>	<b>5.551.131.908</b>	<b>(3.995.781.403)</b>	<b>5.513.323.193</b>	<b>(4.212.781.403)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu khác (tiếp theo)	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>c. Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Lãi vay Công ty Cổ phần PGT Solutions	-	-	5.511.320	-
Lãi vay Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	43.198.666	-	-	-
BMF MicroFinance Company Limited (iii)	724.610.000	-	443.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>767.808.666</b>	<b>-</b>	<b>448.911.320</b>	<b>-</b>

(\*): Các đối tượng có số dư nợ phải thu lâu năm không thể xác nhận và không có khả năng thu hồi.

(i): Khoản đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn để chuyển nhượng dự án bất động sản.

(ii): Khoản đầu tư mua lại cổ phần Công ty Cổ phần PGT Japan ở nước ngoài theo Nghị quyết 13/2022/QĐ-HĐQT-PGT ngày 19/04/2022 về việc chấp thuận đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua lại toàn bộ cổ phần và điều hành tại Công ty.

(iii): Khoản tạm ứng tiền cho Công ty BMF MicroFinance Company Limited ("Công ty con") theo các biên bản tạm ứng để thanh toán chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty con do bị ảnh hưởng của chính trị và đại dịch covid.

(iv): Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTVPP11/HBH-HOLDINGS ngày 03/02/2018 và các phụ lục hợp đồng đã ký kết. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2026.

7. Hàng tồn kho	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	40.511.921	-	40.511.921	-
<b>Cộng</b>	<b>40.511.921</b>	<b>-</b>	<b>40.511.921</b>	<b>-</b>

8. Tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
	Số dư đầu kỳ		33.772.727	33.772.727
	Số dư cuối kỳ		33.772.727	33.772.727
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
	Số dư đầu kỳ		33.772.727	33.772.727
	Số dư cuối kỳ		33.772.727	33.772.727
<b>Giá trị còn lại</b>				
	Số dư đầu kỳ		-	-
	Số dư cuối kỳ		-	-

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 33.772.727 VNĐ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	43.000.000	43.000.000
Số dư cuối kỳ	43.000.000	43.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	43.000.000	43.000.000
Số dư cuối kỳ	43.000.000	43.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.000.000 VNĐ.

**10. Chi phí trả trước**

	30/06/2023	01/01/2023
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	239.485.980	137.926.582
Chi phí khác	239.485.980	137.926.582
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	797.826.316	1.585.957.601
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.657.576	29.852.121
Chi phí khác	779.168.740	1.556.105.480
<b>Cộng</b>	<b>1.037.312.296</b>	<b>1.723.884.183</b>

**11. Phải trả người bán**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	932.755.413	932.755.413	1.815.078.991	1.815.078.991
Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình	138.262.488	138.262.488	111.170.600	111.170.600
Công ty TNHH Kinoshita	698.401.360	698.401.360	1.694.375.360	1.694.375.360
Phải trả các nhà cung cấp khác	96.091.565	96.091.565	9.533.031	9.533.031
<b>Cộng</b>	<b>932.755.413</b>	<b>932.755.413</b>	<b>1.815.078.991</b>	<b>1.815.078.991</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a. Phải nộp	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	Thuế thu nhập cá nhân	598.356.060	198.760.760	-
Các loại thuế khác	-	23.346.633	23.346.633	-
<b>Cộng</b>	<b>598.356.060</b>	<b>222.107.393</b>	<b>23.346.633</b>	<b>797.116.820</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Phải thu	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	10.102.980	12.334.109	12.334.109
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.629.899.658	-	-	1.629.899.658
<b>Cộng</b>	<b>1.640.002.638</b>	<b>12.334.109</b>	<b>12.334.109</b>	<b>1.640.002.638</b>

13. Phải trả khác	30/06/2023	01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.210.718.441</b>	<b>18.955.080.844</b>
Kinh phí công đoàn	31.840.009	29.741.209
Bảo hiểm xã hội	3.002.100	-
Bảo hiểm y tế	381.600	-
Bảo hiểm thất nghiệp	169.600	-
Ký quỹ, ký cược	36.113.820	36.113.820
Các khoản tiền mua cổ phần PGTS của các cá nhân	778.396.000	-
Cổ tức phải trả	633.295.050	633.295.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.727.520.262	18.255.930.765
- Các bên liên quan	18.978.069.263	16.462.559.051
+ Phải trả lãi vay Công ty Cổ phần All Corporation	2.554.135.875	2.280.794.343
+ Công ty TNHH BMF Microfinance (*)	6.902.528.708	6.902.528.708
+ Phải trả tiền mượn Ông Kakazu Shogo (**)	8.127.936.000	7.279.236.000
+ Công ty Cổ phần PGT Solutions (***)	1.393.468.680	-
- Phải trả khác	1.749.450.999	1.793.371.714
<b>Cộng</b>	<b>22.210.718.441</b>	<b>18.955.080.844</b>

(\*): Khoản phải trả cho Công ty con BMF về việc Công ty con này trả thay cho Công ty tiền mua vốn góp của Công ty TNHH Mahar Bawga Consumer Microfinance theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCD-PGT ngày 31/10/2017, Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐQT-PGT ngày 18/06/2020 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐQT-PGT ngày 27/07/2021.

(\*\*): Khoản tiền ông Kakazu Shogo hỗ trợ cho Công ty mượn để thanh toán chi phí hoạt động kinh doanh (do ảnh hưởng của đại dịch covid), lãi suất 0%, thời gian hoàn trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoàn trả của ông hoặc khi hoạt động kinh doanh của Công ty trở lại bình thường.

(\*\*\*): Khoản tiền Công ty Cổ phần PGT Solutions hỗ trợ cho Công ty mượn để thanh toán chi phí hoạt động kinh doanh, lãi suất 0%, thời gian hoàn trả trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoàn trả của Công ty Cổ phần PGT Solutions.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11.547.823.048</b>	<b>11.547.823.048</b>	<b>12.187.278.084</b>	<b>11.437.278.084</b>
Vay bên liên quan	11.547.823.048	11.547.823.048	12.187.278.084	11.437.278.084
+ Công ty Cổ phần All Corporation (*)	11.187.823.048	11.187.823.048	11.437.278.084	11.437.278.084
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hồng Xinh (**)	360.000.000	360.000.000	750.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.547.823.048</b>	<b>11.547.823.048</b>	<b>12.187.278.084</b>	<b>11.437.278.084</b>

(\*): Khoản vay theo hợp đồng số: 01/2018/HĐCV ngày 17/05/2018 và các phụ lục hợp đồng mới nhất ngày 24/05/2022 về gia hạn hợp đồng vay như sau:

- Số tiền vay: 470.669,88 USD      11.187.823.048 VND
- Thời hạn thanh toán đến ngày 24 tháng 5 năm 2024, lãi suất 5%/năm, gốc và lãi.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

(\*\*) Khoản vay theo hợp đồng số: 01/2022/HĐCV ngày 29/12/2022 và phụ lục số PL1.01/2022/HĐCV ngày 25/04/2023 như sau:

- Số tiền vay: 360.000.000 VND
- Thời hạn thanh toán đến ngày 28 tháng 12 năm 2023; lãi suất 5%/năm.
- Mục đích vay: Thực hiện thanh toán các khoản chi phí trong kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	92.418.010.000	586.686.849	(1.045.603.512)	1.705.559.758	(54.656.468.263)	39.008.184.832
- Lãi kỳ trước	-	-	-	-	608.661.686	608.661.686
- Bán cổ phiếu quỹ	-	1.254.232.412	1.045.603.512	-	-	2.299.835.924
Số dư cuối kỳ trước	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(54.047.806.577)	41.916.682.442
Số dư đầu kỳ này	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(62.947.440.224)	33.017.048.795
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(2.492.992.125)	(2.492.992.125)
Số dư cuối kỳ này	92.418.010.000	1.840.919.261	-	1.705.559.758	(65.440.432.349)	30.524.056.670

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	92.418.010.000	92.418.010.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>92.418.010.000</b>	<b>92.418.010.000</b>
		<b>Từ 01/01/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022</b>
		<b>đến 30/06/2023</b>	<b>đến 30/06/2022</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
Vốn góp của chủ sở hữu		92.418.010.000	92.418.010.000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>		92.418.010.000	92.418.010.000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>		92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>		<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		9.241.801	9.241.801
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	230.296
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	230.296
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		9.241.801	9.011.505
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		9.241.801	9.011.505
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>		10.000	10.000
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Quỹ đầu tư phát triển		1.705.559.758	1.705.559.758
<b>Cộng</b>		<b>1.705.559.758</b>	<b>1.705.559.758</b>
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp			
<i>Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.</i>			

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>Từ 01/01/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022</b>
	<b>đến 30/06/2023</b>	<b>đến 30/06/2022</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thương mại và cung cấp dịch vụ	125.550.174	68.134.248
<b>Cộng</b>	<b>125.550.174</b>	<b>68.134.248</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần thương mại và cung cấp dịch vụ	125.550.174	68.134.248
<b>Cộng</b>	<b>125.550.174</b>	<b>68.134.248</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn thương mại và cung cấp dịch vụ	57.224.455	75.109.090
<b>Cộng</b>	<b>57.224.455</b>	<b>75.109.090</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	211.326.291	168.059.140
Lãi chuyển nhượng cổ phần	2.245.929.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	127.694.000	45.119.221
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	249.455.036	-
<b>Cộng</b>	<b>2.834.404.327</b>	<b>213.178.361</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay và thuê tài chính	285.270.699	273.341.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	207.094.748
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	2.023.102.774	(5.199.986.082)
Chi phí tài chính khác	104.600.000	1.828
<b>Cộng</b>	<b>2.412.973.473</b>	<b>(4.719.547.974)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	1.069.867.583	1.915.596.429
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	469.045
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	326.944.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.574.246.937	2.399.965.205
Chi phí bằng tiền khác	9.768.000	562.000
<b>Cộng</b>	<b>2.983.826.520</b>	<b>4.319.592.679</b>
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nhân công	1.069.867.583	1.915.596.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	469.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.631.471.392	2.475.074.295
Chi phí khác bằng tiền	12.768.000	3.562.000
<b>Cộng</b>	<b>2.714.106.975</b>	<b>4.394.701.769</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.492.992.125)	608.661.686
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)	(2.492.992.125)	608.661.686
4. Thu nhập tính thuế trong kỳ	(2.492.992.125)	(608.661.686)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 29

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**9.1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**9.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác...) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi Công ty tiến hành trích lập dự phòng nợ khó đòi.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn bị suy giảm
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</b>	
Trên 3 năm	41.309.158.148
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>41.309.158.148</b>
Dự phòng giảm giá trị	(41.309.158.148)
<b>Giá trị thuần</b>	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	
Trên 3 năm	40.982.214.148
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>40.982.214.148</b>
Dự phòng giảm giá trị	(40.982.214.148)
<b>Giá trị thuần</b>	-

**9.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	11.547.823.048	-	-	11.547.823.048
Phải trả người bán	932.755.413	-	-	932.755.413
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	19.014.183.083	-	-	19.014.183.083
	<b>31.494.761.544</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.494.761.544</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>				
Các khoản vay và nợ	12.187.278.084	-	-	12.187.278.084
Phải trả người bán	1.815.078.991	-	-	1.815.078.991
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	16.498.672.871	-	-	16.498.672.871
	<b>30.501.029.946</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.501.029.946</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
- Phải thu khách hàng	35.993.912.208	(35.993.912.208)	36.008.432.208	(35.993.912.208)	14.520.000
- Phải thu khác	4.940.578.375	(3.995.781.403)	5.069.769.660	(4.212.781.403)	856.988.257
- Phải thu cho vay	16.174.000.000	-	11.200.000.000	-	11.200.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	45.841.328	-	83.127.229	-	83.127.229
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.154.331.911</b>	<b>(39.989.693.611)</b>	<b>52.361.329.097</b>	<b>(40.206.693.611)</b>	<b>12.154.635.486</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
- Vay và nợ	11.547.823.048	-	12.187.278.084	-	12.187.278.084
- Phải trả người bán	932.755.413	-	1.815.078.991	-	1.815.078.991
- Phải trả khác	19.014.183.083	-	16.494.127.416	-	16.494.127.416
- Chi phí phải trả	-	-	4.545.455	-	4.545.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.494.761.544</b>	<b>-</b>	<b>30.501.029.946</b>	<b>-</b>	<b>30.501.029.946</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt**

Các nghiệp vụ, giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu (phải trả)
Công ty Cổ phần PGT Solutions	Công ty con	Mượn tiền	1.716.968.680	(1.393.468.680)
		Dịch vụ cho thuê văn phòng	60.000.000	-
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	Công ty con	Ứng trước phí tư vấn dịch vụ	-	533.700.000
		BMF trả hộ Công ty mẹ	-	(6.902.528.708)
		Tạm ứng	281.210.000	724.610.000
Công ty Cổ phần All Corporation	Cổ đông	Lãi vay	273.341.532	(2.554.135.875)
		Nợ vay phải trả	-	(11.187.823.048)
Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hồng Xinh	Công ty con gián tiếp	Lãi vay phải trả	11.929.167	(5.496.167)
		Vay	-	(360.000.000)
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	Cùng Ban lãnh đạo	Cho vay	4.974.000.000	4.974.000.000
Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	848.700.000	-
		Ứng trước tiền khác	-	83.000.000
		Trả tiền mượn	-	(8.127.936.000)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

		Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>+ Thu nhập của thành viên chủ chốt</b>			
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
Ryotaro Ohtake	Chủ tịch HĐQT	-	36.000.000
Kakazu Shogo	Thành viên	-	30.000.000
Shimabukuro	Thành viên	-	30.000.000
Phạm Thị Thoa	Thành viên	-	30.000.000
Lê Minh Đức	Thành viên	-	30.000.000
<b>Thù lao của thành viên Ban kiểm soát</b>			
Lê Quốc Duy	Trưởng ban	-	30.000.000
Bùi Thị Ngà	Thành viên	-	24.000.000
Nguyễn Minh Dương	Thành viên	-	24.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Lương, thưởng và phúc lợi khác			
Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc	889.553.333	616.100.000
Nguyễn Thị Thanh Chi	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Kế toán trưởng	193.636.250	219.125.000
<b>Cộng</b>		<b>1.083.189.583</b>	<b>1.069.225.000</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ/ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 và tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 số 04/2023/TTr-HĐQT ngày 31/05/2023 phê duyệt về việc không trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2023 do kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty bị lỗ.

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và doanh thu chỉ tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo riêng của Công ty bị lỗ 2.492.992.125 VND trong 06 tháng đầu năm 2023 và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 65.440.432.349 VND đã làm cho Nguồn vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 03 năm 2023 bị giảm sút. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 26.432.668.224 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc, các chủ sở hữu của Công ty cam kết có đủ khả năng tài chính và tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể trả các khoản nợ đến hạn.

Đồng thời, Công ty dự kiến kế hoạch doanh thu tập đoàn trong năm 2023 đạt hơn 57 tỷ đồng, lãi tập đoàn sau thuế dự kiến đạt hơn 9 tỷ đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2023, doanh thu của tập đoàn đạt 9,4 tỷ đồng chiếm 16% kế hoạch và chưa đạt lãi như mong muốn. Ban Tổng Giám đốc tập đoàn đang có kế hoạch phát triển ngành nghề mới, mở rộng thị trường. Với kế hoạch kinh doanh này cùng với sự hỗ trợ nêu trên, Ban Tổng Giám đốc tập đoàn tin tưởng rằng Công ty sẽ duy trì và tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**Nguyễn Thị Thanh Chi**

Người lập biểu/ Kế Toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

**Kakazu Shogo**

Tổng Giám đốc

